

Bản án số: 202/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2026
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trọng;
- Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 445/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Văng Công V, sinh ngày 09/11/1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Long H, xã Long Phú T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Long H, xã Long Phú T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Văng Công V trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 08 tháng 12 năm 1994, ông Văng Công V và bà Nguyễn Thị Út N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An H B, huyện Thanh H (Nay là xã Mỹ An H), tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống ban đầu có hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung. Trong thời gian hơn 30 năm chung sống, thường xuyên cãi vã do khác nhau về quan niệm sống, khác nhau về quan điểm chi tiêu tiền bạc. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Út N.

Về nuôi con chung: Ông Văng Công V và bà Nguyễn Thị Út N có 02 người con chung tên Văng Thảo H, sinh ngày 01/8/1995 và Văng Ngọc Phúc H, sinh ngày 28/8/2002. Hiện nay, các con đã trưởng thành, có việc làm, tự sống được, nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Út N đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nH bà Nguyễn Thị Út N không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp để tham gia giải quyết vụ án.

Ông Văng Công V khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Văng Công V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Út N. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Long Phú T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Văng Công V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị Út N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[4] Về hôn nhân: Ngày 08 tháng 12 năm 1994, ông Văng Công V và bà Nguyễn Thị Út N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An H B, huyện Thạnh H (Nay là xã Mỹ An H), tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc và sau này thường xuyên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau và bất đồng quan điểm, nH ông Văng Công V cũng đã tạo mọi điều kiện cho bà Nguyễn Thị Út N khắc phục, sửa chữa, nhưng bà Nguyễn Thị Út N không khắc phục, sửa chữa. Nhận thấy tình cảm của ông, bà đã không còn, không có tiếng nói chung, không còn chung sống với nhau nữa, không còn

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, nH bà Nguyễn Thị Út N cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Văng Công V. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[6] Về nuôi con chung: Cháu Văng Thảo H, sinh ngày 01/8/1995 và cháu Văng Ngọc Phúc H, sinh ngày 28/8/2002 đều đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về chia tài sản chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, ông Văng Công V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng; bà Nguyễn Thị Út N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Văng Công V với bà Nguyễn Thị Út N.

Về nuôi con chung: Cháu Văng Thảo H, sinh ngày 01/8/1995 và cháu Văng Ngọc Phúc H, sinh ngày 28/8/2002 đều đã thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Văng Công V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0011149 ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; ông Văng Công V đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Út N không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ An H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung